

Số: /TTr-SNN&PTNT Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400 ÷ K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Tổng cục Phòng, chống thiên tai.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Công văn số 608/PCTT-QLĐĐ ngày 22/6/2021 của Tổng cục Phòng chống thiên tai về việc xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400 ÷ K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 9545/UBND-NN ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400 ÷ K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa đối với công trình xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400-K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa: số 317/QĐ-SNN&PTNT ngày 12/7/2021 về việc giao thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật; số 331/QĐ-SNN&PTNT ngày 15/7/2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế; nhiệm vụ khảo sát; phương án kỹ thuật khảo sát; chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án; số 346/QĐ-SNN&PTNT ngày 20/7/2021 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư; số 363/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hoá trình Tổng cục Phòng, chống thiên tai thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400 ÷ K37+700 xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400 ÷ K37+700 xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp III.

3. Mục tiêu đầu tư: Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu đoạn từ K37+400 ÷ K37+700 xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đảm bảo an toàn, ổn định cho đoạn đê hữu sông Chu và nhà ở của các hộ dân trong khu vực dự án; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, nhanh chóng đưa công trình vào phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

4. Quy mô xây dựng, kết cấu công trình và các thông số kỹ thuật:

4.1. Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp III;
- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: $P = 95 \%$;
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ: $P = 0,6 \%$;
- Hệ số ổn định cho phép: $[K] \geq 1,25$.

4.2. Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	175
2	Cao trình đỉnh kè	m	$(+5.48) \div (+11.0)$
3	Cao trình đỉnh đồng đá chân kè	m	$(+2.0)$
4	Cao trình cơ kè	m	$(+5.48) \div (+6.50)$
5	Hệ số mái chân kè		$2,0 \div 2,5$
6	Chiều rộng đỉnh đồng đá chân kè	m	$6,0 \div 10,0$
7	Chiều rộng cơ kè	m	3,0
8	Hệ số mái kè từ chân kè đến cơ kè		$2,0 \div 3,0$
9	Hệ số mái kè từ cơ kè đến đỉnh kè		1,75

4.3. Nội dung đầu tư:

Xây dựng tuyến kè bảo vệ vị trí xung yếu nhất của đê hữu sông Chu đoạn từ K37+400 - K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa với chiều dài tuyến kè $L = 175$ m.

4.4. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Tuyến kè:

- Vị trí, hướng tuyến: Theo hướng tuyến bãi sông hiện trạng của tuyến đê hữu sông Chu đoạn từ K37+400 - K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa;

- Đoạn từ cọc 2 đến cọc 11, Chiều dài $L = 140,73$ m

+ Chân kè: Kiểu lăng thể tựa bằng đá học thả rôi, hệ số mái 2,0 - 2,5; mặt và mái từ cao trình đỉnh lăng thể (+2.0) m xuống cao trình (+0.2) m được gia cố 1 lớp rọ đá kích thước (2x1x0,5) m, dưới là lớp đá học xếp chèn chặt dày 30 cm; khóa đỉnh chân kè bằng dầm bê tông cốt thép (BTCT M250), dọc tuyến kè cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Mái kè: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè; dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 hoặc tương đương;

+ Đỉnh kè: Khóa đỉnh kè bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Cơ kè cao trình (+5.48) - (+6.50) m: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm, dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 14 cm và lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm.

- Đoạn từ cọc 11 đến cọc 13, chiều dài $L = 19,57$ m

+ Chân kè: Kiểu lăng thể tựa bằng đá học thả rôi, hệ số mái 2,0; mặt và mái từ cao trình đỉnh lăng thể (+2.0) m xuống cao trình (+0.2) m được gia cố 1 lớp rọ đá kích thước (2x1x0,5) m, dưới là lớp đá học xếp chèn chặt dày 30 cm; khóa đỉnh chân kè bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến kè cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Mái kè: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè; dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 hoặc tương đương;

+ Đỉnh kè: Khóa đỉnh kè bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Cơ kè tại cao trình (+4.0) m: Được gia cố bằng 1 lớp rọ đá kích thước (2x1x0,5) m, lát đá chèn chặt các vị trí không xếp được rọ đá;

+ Cơ kè cao trình (+6.5) m: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm, dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 14 cm và lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm.

- Đoạn từ cọc 14 đến cọc 15, chiều dài $L = 14,7$ m

+ Chân kè: Kiểu lăng thể tựa bằng đá học thả rôi, hệ số mái 2,0; mặt và mái từ cao trình đỉnh lăng thể (+2.0) m xuống cao trình (+0.2) m được gia cố 1 lớp rọ đá kích thước (2x1x0,5) m, dưới là lớp đá học xếp chèn chặt dày 30 cm; khóa đỉnh chân kè bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến kè cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

+ Mái kè: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè; dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 hoặc tương đương;

+ Cơ kè tại cao trình (+4.0) m: Được gia cố bằng 1 lớp rọ đá kích thước (2x1x0,5) m, lát đá chèn chặt chèn chặt các vị trí không xếp được rọ đá;

b) Công trình trên tuyến kè:

- Bậc lên xuống mái kè: Bố trí 2 bậc tại cọc 3+20m và cọc 8+6,15m, chiều rộng toàn bậc B = 1,80m, kết cấu bằng bê tông thường M200, đáy lót 1 lớp nilông tái sinh.

- Thoát nước dọc đỉnh kè:

+ Bố trí hệ thống rãnh thoát nước dọc đỉnh kè để tiêu nước thải khu dân cư, bằng bê tông thường M200, chiều dài L=150,82 m, kích thước rãnh (35x40) cm, tấm đáy bằng BTCT M250, kích thước tấm (45x100x8)cm;

+ Bố trí hệ thống thoát nước dọc mái kè tại cọc 2 và cọc 12+5,30 m bằng BTCT M250 đổ trực tiếp, đáy lót 1 lớp nilông tái sinh, kích thước rãnh (35x30) cm, tấm đáy bằng BTCT M250, kích thước tấm (75x100x10) cm;

- Tuyến dốc xuống bãi đúc cấu kiện: Theo tuyến dốc hiện trạng, điểm đầu tuyến dốc tại K37+360 đê hữu sông Chu, chiều dài tuyến L=30 m (hoàn trả lại dốc bê tông); chiều rộng nền dốc 4,0 m; chiều rộng mặt dốc gia cố 3,0 m;

+ Đoạn từ cọc 1 đến cọc 2 (chiều dài 14 m): Gia cố bằng bê tông thường M200 chiều dày 20cm phía dưới có nilông tái sinh.

+ Đoạn từ cọc 2 đến cọc 3 (chiều dài 16 m): Gia cố bằng bê tông thường M200 chiều dày 20 cm, phía dưới là nilông tái sinh và lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 18 cm.

- Tuyến đường phục vụ thi công: Điểm đầu tuyến đường tại chân dốc bãi đúc cấu kiện, điểm cuối nối vào đầu tuyến kè (cọc 2). Chiều dài tuyến đường thiết kế L = 189,7 m; chiều rộng nền đường 4,0m; chiều rộng mặt đường gia cố 3,0 m. Nền đường bằng đất đá thải đảm bảo độ chặt $K \geq 0,9$, mặt đường bằng cấp phối; sau khi thi công xong được thanh thải hoàn trả mặt bằng.

(Chi tiết có hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo)

5. Địa điểm xây dựng: Xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

6. Cấp quyết định đầu tư: Tổng cục Phòng, chống thiên tai.

7. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa.

8. Tổng mức đầu tư xây dựng trình thẩm định: 14.974.421.000 đồng (Mười bốn tỷ, chín trăm bảy mươi tư triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn đồng).

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp thủy lợi năm 2021 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

10. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH xây dựng An Khánh Hưng.

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- Tuyến tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;
- Quyết định số 606/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/3/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phân loại, phân cấp đề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thành phần, nội dung lập Báo cáo đầu tư, Dự án đầu tư và Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi;
- TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8224:2009: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới không chế mặt bằng địa hình ;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8225:2009: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới không chế cao độ địa hình;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8226:2009: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8477:2018: Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8478:2018: Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8481:2010: Công trình đê điều - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình;
- TCVN 10404:2015: Công trình đê điều - Khảo sát địa chất công trình;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8419:2010: Công trình thủy lợi - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9902:2016: Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;

- Quy phạm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế QP.TL.C-6-77;

Các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm có liên quan khác.

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Văn bản pháp lý:

- Công văn số 608/PCTT-QLĐĐ ngày 22/6/2021 của Tổng cục Phòng chống thiên tai về việc xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400-K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Công văn số 9545/UBND-NN ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400-K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Các Quyết định của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa đối với công trình xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn từ K37+400-K37+700, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa: số 317/QĐ-SNN&PTNT ngày 12/7/2021 về việc giao thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật; số 331/QĐ-SNN&PTNT ngày 15/7/2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế; nhiệm vụ khảo sát; phương án kỹ thuật khảo sát; chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án; số 346/QĐ-SNN&PTNT ngày 20/7/2021 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư; số 363/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

2. Tài liệu khảo sát, Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Dự toán xây dựng công trình.

3. Hồ sơ năng lực của nhà thầu thiết kế:

- Thông tin năng lực của nhà thầu nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa đề nghị Tổng cục Phòng, chống thiên tai xem xét thẩm định, phê duyệt để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Vụ Quản lý Đê điều (để thẩm định);
- Chi cục Thủy lợi (cung cấp hồ sơ);
- Lưu: VT, QLXDCT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoài Nam